

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án chiến lược sản phẩm công nghiệp
đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập kinh tế giai đoạn 2013-2015,
định hướng đến năm 2020**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 07/11/2011 của Tỉnh ủy Đắk Lắk, về định hướng chiến lược sản phẩm công nghiệp giai đoạn 2011- 2015 và đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 41/TTr- SCT ngày 06/6/2013 của Sở Công Thương và Báo cáo thẩm định số 82/BC-SCT ngày 06/6/2013 của Hội đồng Thẩm định các quy hoạch, đề án phát triển ngành Công Thương tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án chiến lược sản phẩm công nghiệp đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập kinh tế giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đề án: Đề án chiến lược sản phẩm công nghiệp đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập kinh tế giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Công Thương Đắk Lắk.

3. Tổ chức tư vấn lập đề án: Công ty cổ phần tư vấn tài chính và đầu tư AFI.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề án: Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5. Quan điểm phát triển về chiến lược sản phẩm ngành công nghiệp:

Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa sản xuất công nghiệp, lựa chọn phương án đầu tư và công nghệ phù hợp để khai thác tối đa lợi thế so sánh và năng lực sản xuất công nghiệp hiện có, hình thành một số ngành mũi nhọn để tạo ra sản phẩm

công nghiệp có thị trường ổn định trong và ngoài nước, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của công nghiệp.

Lấy hiệu quả kinh tế, xã hội và đảm bảo môi trường sinh thái làm cơ sở để định hướng phát triển công nghiệp và sản phẩm công nghiệp. Phát triển công nghiệp và sản phẩm công nghiệp gắn bó hữu cơ với phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến, nâng cao sức cạnh tranh đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh hiện có của tỉnh để phục vụ cho xuất khẩu, thúc đẩy phát triển nhanh, vững chắc các sản phẩm có tiềm năng, đồng thời quan tâm một cách hợp lý đến sự phát triển của các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khác nhằm đảm bảo, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và hướng đến xuất khẩu trong tương lai.

Tích cực huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển, hiện đại hóa công nghiệp, đào tạo nguồn lao động có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển các sản phẩm công nghiệp.

6. Mục tiêu và định hướng:

6.1. Mục tiêu tổng quát:

Tạo được những sản phẩm công nghiệp có chất lượng, có thương hiệu uy tín, có sức cạnh tranh, mang lại giá trị gia tăng cao, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng trong tỉnh. Qua đó cơ cấu lại sản xuất công nghiệp theo hướng khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu của địa phương, đề tạo ra các sản phẩm công nghiệp chế biến nông lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển mạnh công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp. Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng công nghiệp, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh đã xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 của tỉnh.

6.2. Mục tiêu và định hướng tới năm 2015:

- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 9.500 tỷ đồng, gấp 2,8 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 25,9%.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt 4.550 tỷ đồng, chiếm 18% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

- Công nghiệp điện nước: Hoàn thành các công trình thủy điện vào đầu kỳ, đẩy mạnh đầu tư các dự án cấp nước cho các đô thị và khu, cụm công nghiệp, vẫn coi đây là ngành công nghiệp có tính đột phá trong giai đoạn. Xem xét và chuẩn bị các điều kiện phát triển các nguồn năng lượng tái tạo khác như: Phong điện, điện mặt trời vào cuối kỳ và các giai đoạn sau.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm: Đẩy mạnh chế biến tinh, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có chỉ dẫn địa lý và xuất sứ hàng hóa, có

thương hiệu, sản xuất bền vững gắn kết với nông nghiệp nông thôn, định hướng vùng nguyên liệu và bước đầu hình thành thêm một số ngành công nghiệp chế biến như: Sữa, thịt, thủy sản, rau quả sạch... Không chấp nhận những dự án sơ chế, hoặc dự án không xác định rõ vùng nguyên liệu và có nguy cơ ô nhiễm môi trường lớn.

- Công nghiệp khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng: Tiếp tục đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng về vật liệu xây dựng và đi đôi với bảo vệ môi trường, hạn chế tiến tới loại bỏ các cơ sở nhỏ lẻ khai thác trái phép, ô nhiễm môi trường, khuyến khích sản xuất vật liệu xây dựng không nung; thực hiện khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản để đầu tư khai thác, chế biến vào cuối kỳ và các giai đoạn sau.

- Công nghiệp phục vụ nông nghiệp: Đẩy mạnh phát triển cơ khí chế tạo, lắp ráp đáp ứng nhu cầu khu vực, khuyến khích sản xuất các thiết bị tự động hoá trong trồng trọt và chăn nuôi, thiết bị tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu; các ngành công nghiệp khác đảm bảo nhu cầu trong Tỉnh.

- Tiểu thủ công nghiệp: Hình thành một số khu vực sản xuất tập trung với một số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, du lịch đỡ đầu, kết hợp giữa sản xuất và du lịch.

- Thúc đẩy phát triển một số ngành công nghiệp khác có lợi thế nguyên liệu như: Sản xuất đồ chơi từ gỗ, găng tay, nệm, mút từ cao su... hoặc công nghiệp phụ trợ có điều kiện phát triển như: Bao bì, thuộc da, cơ khí sửa chữa, sản xuất phụ kiện...

6.3. Mục tiêu và định hướng tới năm 2020:

- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 19.295 tỷ đồng, gấp 2 lần so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 15,23%.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt 9.769 tỷ đồng, chiếm 21,3% trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 16,5%.

- Công nghiệp điện nước: Đầu tư và hoàn chỉnh các dự án cấp nước, phát triển mạnh các dự án phong điện, ứng dụng năng lượng mặt trời vào đời sống.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm: Đẩy mạnh chế biến tinh, sản phẩm sạch, có thương hiệu và giá trị gia tăng cao, sản xuất bền vững, hình thành được các doanh nghiệp đầu đàn, lớn mạnh trong từng lĩnh vực chế biến. Hạn chế các cơ sở sơ chế và chế biến nông sản quy mô nhỏ, bán thủ công không đảm bảo chất lượng tại nông hộ.

- Công nghiệp khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng: Hình thành được một số doanh nghiệp lớn mạnh chuyên sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, sản phẩm chất lượng tốt có thể đáp ứng nhu cầu xây dựng các công trình cao cấp; khai thác, chế biến một số khoáng sản có trữ lượng và chất lượng đảm bảo.

- Công nghiệp phục vụ nông nghiệp: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và khu vực Tây Nguyên với những sản phẩm chất lượng tốt.

- Tiểu thủ công nghiệp: Duy trì và hình thành được hệ thống các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề ổn định, sản phẩm chất lượng, độc đáo, phát triển thêm các ngành nghề mới.

- Các ngành công nghiệp khác: Bước đầu hình thành được một số cơ sở công nghiệp có quy mô sản xuất hàng gia dụng, đồ chơi, công nghiệp phụ trợ... xem xét, đánh giá, chuẩn bị điều kiện cho phát triển một số ngành công nghệ cao tại Buôn Ma Thuột.

7. Chiến lược sản phẩm công nghiệp tới 2015 và định hướng tới 2020:

Có Phụ lục Danh mục dự báo sản phẩm công nghiệp kèm theo

8. Chiến lược phát triển các tiểu vùng:

Tiểu vùng	Ưu thế	Phân bố sản xuất
Tiểu vùng Trung tâm	- Các huyện nằm xung quanh thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội của Tây Nguyên, với bán kính từ 20 – 50 km. - Tiểu vùng này là đầu mối giao thông của 3 tuyến quốc lộ quan trọng: 26, 27 và 14. - Có vùng nguyên liệu tập trung: Cà phê, lúa... - Có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh. - Khu công nghiệp Hòa Phú và Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân An đã được đầu tư xây dựng khá hoàn thiện. - Có hệ thống đào tạo từ trình độ sơ cấp đến đại học nên số lao động có trình độ tập trung chủ yếu ở đây. - Thị trường tiêu dùng khá lớn vì phần lớn dân cư tập trung ở vùng này.	- Công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông sản: Cao su, cà phê - Công nghiệp sản xuất điện. - Công nghiệp sản xuất lương thực, thực phẩm, đồ uống. - Công nghiệp hỗ trợ. - Công nghiệp sản xuất nhóm sản phẩm công nghệ cao.
Tiểu vùng Bắc	- Có trục quốc lộ 14 chạy qua, phía bắc tiếp giáp với Gia Lai, phía Nam giáp với thành phố Buôn Ma Thuột. - Có vùng chuyên canh cà phê, cao su, tiêu tương đối rõ ràng. - Bước đầu đã hình thành một số Cụm công nghiệp: Trường Thành, Krông Búk.	- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản. - Công nghiệp cơ khí phục vụ nông thôn.

Tiểu vùng Đông Nam	Thế mạnh của vùng là cây công nghiệp ngắn ngày: mía, bắp, sắn; các sản phẩm từ chăn nuôi: bò, heo rừng và các loại khoáng sản chất lượng cao: Fensapt, đá Granit, than bùn.	- Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn ngày: mía, bắp... - Công nghiệp chế biến súc sản - Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: quặng fenspat, than bùn.
--------------------	---	---

9. Giải pháp thực hiện:

9.1 Giải pháp về vốn:

Cần tập trung vốn tín dụng; vốn trong doanh nghiệp doanh dân; vốn kêu gọi đầu tư, vốn vay... Huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển các sản phẩm công nghiệp ở các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh. Tích cực kêu gọi đầu tư, ngoài việc giới thiệu qua trang Web, sách hướng dẫn đầu tư, tờ rơi, tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư; ưu tiên vốn cho nhóm sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh; cần tiếp tục quảng bá hình ảnh Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk qua việc tổ chức các sự kiện như: Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột, lễ hội công chiêng, ngày hội văn hóa cà phê... và tổ chức các đoàn công tác làm việc trực tiếp với các công ty, tổng công ty lớn trong nước để xúc tiến đầu tư trực tiếp, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Tăng cường đầu tư ngân sách cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp điện, nước, giao thông, các khu, cụm công nghiệp.

- Đề nghị Chính phủ hỗ trợ thêm các chính sách đối với Đắk Lắk, cụ thể như: Ưu tiên nguồn vốn ưu đãi, ODA và các nguồn tài trợ khác cho đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh, vốn khuyến công quốc gia cho phát triển tiểu thủ công nghiệp.

9.2. Giải pháp về chính sách:

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi hiện hành, phối hợp thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, các chương trình đầu tư của Chính phủ trên địa bàn, thông qua các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính tín dụng, khoa học công nghệ, thương mại, kết cấu hạ tầng..., thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm đô thị vùng Tây Nguyên; đề nghị Chính phủ có chính sách ưu đãi riêng đối với khu vực Tây Nguyên. Bảo hộ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đúng đắn, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, đồng thời, nghiêm khắc xử lý những hành vi gian lận, làm tổn hại đến lợi ích chung của cộng đồng. Hỗ trợ xây dựng và phát triển các hình thức tổ chức liên kết cộng đồng của người sản xuất kinh doanh, từng bước chuyển giao một số nhiệm vụ quản lý và dịch vụ công cho các tổ chức cộng đồng. Đào tạo và xây dựng một

đội ngũ doanh nhân và công nhân kỹ thuật có chuyên môn sâu và có kỹ năng làm việc tập thể. Đổi mới cơ chế sử dụng và chính sách trọng dụng để thu hút nhân tài, tôn trọng tài năng.

9.3. Giải pháp về thị trường:

Tiến hành điều tra, phân loại đánh giá khả năng cạnh tranh của từng loại sản phẩm, nhất là sản phẩm xuất khẩu, nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực tìm kiếm thêm thị trường trong và ngoài nước, tham gia chương trình tam giác phát triển để tìm kiếm cơ hội đầu tư và tiêu thụ sản phẩm ở Lào và Cam pu chia. củng cố các thị trường truyền thống và tăng cường mở rộng các hoạt động thương mại hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế; duy trì thông tin với tham tán thương mại tại các Đại sứ quán để tìm kiếm cơ hội giao thương.

9.4. Giải pháp về hệ thống kênh phân phối:

Tiếp tục duy trì và xây dựng mới hệ thống kênh phân phối, trao đổi sản phẩm để làm thỏa mãn nhu cầu cụ thể của khách hàng, khắc phục sự ngăn cản về không gian, thời gian và quyền sở hữu hàng hóa và dịch vụ đối với những người sử dụng sản phẩm.

Quản lý kênh phân phối chặt chẽ, nhằm đảm bảo sự thống nhất giá sản phẩm. Hoàn thiện về chính sách giá hợp lý, đảo bảo sự cạnh tranh của các sản phẩm không gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và doanh thu.

Tiếp tục nghiên cứu thị trường, nắm bắt thông tin đầy đủ để cung cấp hàng hóa, sản phẩm công nghiệp kịp thời đến người tiêu dùng

Xây dựng cơ chế tài chính giúp cho các thành viên trong kênh thanh toán được thuận lợi.

9.5. Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Đề nghị Chính phủ, Bộ Công Thương hỗ trợ thực hiện các đề tài, đề án cấp bộ, cấp quốc gia cải thiện công nghệ sản xuất, chất lượng nông sản, khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng khoáng sản, tiềm năng phong điện, nâng cao năng lực cạnh tranh cho tỉnh;

- Tăng cường các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh đối với việc cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp; đặt tên nhãn hiệu sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm, công nhận chỉ dẫn địa lý và xuất xứ hàng hoá .

- Đánh giá hiện trạng thiết bị công nghệ làm cơ sở xây dựng lộ trình đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ theo hướng ưu tiên công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ quyết định chất lượng sản xuất sản phẩm công nghiệp xuất khẩu. Khắc phục các yếu kém về trình độ công nghệ thiết bị, khả năng quản trị kinh doanh, chất lượng, giá thành nguyên liệu đầu vào, khả năng kiểm soát ô nhiễm môi trường, trên cơ sở áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến làm nòng cốt. Chú trọng đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo chiều sâu.

9.6. Giải pháp về phát triển hạ tầng:

- Đầu tư hệ thống giao thông vùng nguyên liệu, hạ tầng các khu đô thị, phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo thúc đẩy nhanh việc triển khai xây dựng các công trình: Đường Hồ Chí Minh, Trường Sơn Đông, Quốc lộ 29, Quốc lộ 26, đường sắt Phú Yên – Đắk Lắk; cửa khẩu Đắk Ruê; nâng cấp Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thành cảng hàng không quốc tế. Nâng cấp cải tạo các tuyến tỉnh lộ, liên tỉnh lộ hiện có đảm bảo giao thông thuận lợi trong cả 2 mùa.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông và hạ tầng cơ sở khác.

9.7. Giải pháp về quản lý ngành:

- Thiết lập hệ thống cung cấp thông tin; đối với các dự án sử dụng nguồn tài nguyên có thể tái tạo được, cần yêu cầu chủ đầu tư có phương án tái tạo tài nguyên; dự án sử dụng nguồn tài nguyên không thể tái tạo được, cần yêu cầu chủ đầu tư có phương án sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

- Tăng cường các quy hoạch, đề án hỗ trợ quản lý nhà nước ngành công nghiệp và nâng cao năng lực tại các doanh nghiệp công nghiệp; thực hiện các đề án đánh giá chuỗi giá trị sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản trên địa bàn, sử dụng các nguồn lực của nhà nước (ngân sách, chính sách, hệ thống hành chính...) tác động vào điểm yếu nhất để cải thiện hệ thống sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản, đảm bảo sản xuất bền vững và nâng cao chất lượng nông sản.

- Tăng cường các hoạt động nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi như: Cải cách hành chính, giao lưu với doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm giải phóng mặt bằng,... Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về văn phòng hoạt động cho việc thành lập các hiệp hội ngành nghề nhằm tạo sự liên kết và sức mạnh trong cạnh tranh.

- Hạn chế các dự án sơ chế, xuất nguyên liệu thô, khuyến khích các dự án chế biến sâu, công nghệ tiên tiến, có quy hoạch vùng nguyên liệu; khuyến khích hỗ trợ việc sản xuất sản phẩm sạch, sản phẩm “đặc sản”, xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với các địa danh, nét văn hoá vùng Tây Nguyên; khuyến khích việc liên kết giữa nhà máy với vùng nguyên liệu và nông dân, chỉ chấp thuận những nhà máy có phương án cụ thể về vùng nguyên liệu, khuyến khích các hộ, cụm hộ nông dân liên kết với nhà máy đầu tư máy móc sơ chế sản phẩm làm vệ tinh cho các nhà máy lớn, đây là hướng đi phù hợp trong giai đoạn hiện nay; không chấp nhận các dự án gây ô nhiễm môi trường lớn, công nghệ lạc hậu, hoặc khai thác nguyên liệu nhưng không có chiến lược phát triển vùng nguyên liệu và tiết kiệm tài nguyên

9.8. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Đầu tư nâng cấp các trường đào tạo nghề tại địa phương, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đào tạo ngắn hạn, đào tạo lưu động, đào tạo có mục tiêu,

gắn đào tạo với sản xuất. Tăng cường các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, chú trọng trang bị kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho các chủ doanh nghiệp, và cán bộ quản lý công nghiệp. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư và mở rộng hoạt động dạy nghề, nhất là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giải quyết lao động lúc nông nhàn “Ly nông, bất ly hương” là một trong những định hướng lớn của ngành công nghiệp, tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động khuyến công như: Truyền nghề, dạy nghề, phát triển nghề, xây dựng các mô hình điểm và đặc biệt chú ý tạo dựng các ngành nghề truyền thống như: Mây tre đan lát, dệt thổ cẩm, rượu cần, ... kết hợp với các hoạt động du lịch, phát triển các ngành nghề nông thôn cũng là một trong những giải pháp quan trọng để xóa đói, giảm nghèo.

9.9. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất tập trung vào các khu, cụm công nghiệp là nơi có điều kiện xử lý tập trung nguồn phế thải công nghiệp.

- Các doanh nghiệp xây dựng mới phải thực hiện đúng qui định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cơ sở đang hoạt động, cần đầu tư đổi mới công nghệ ở những công đoạn gây ô nhiễm môi trường (tiếng ồn, bụi, khói, hóa chất, chất thải,...), xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường phải đạt tiêu chuẩn qui định.

- Giữ kỷ cương pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản, làm tốt công tác phục hồi môi trường trước khi đóng cửa mỏ để hạn chế tối đa việc huỷ hoại môi trường sinh thái do khai thác gây ra.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Sở Công Thương căn cứ các nội dung của Đề án, chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ưu tiên phát triển các sản phẩm, nhóm sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng, có tính đột phá, có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao và ảnh hưởng lớn tới đời sống nhân dân; tăng cường công tác xúc tiến thương mại - đầu tư, công tác khuyến công, quy hoạch phát triển các sản phẩm, nhóm sản phẩm công nghiệp, xây dựng đề án chiến lược sản phẩm công nghiệp đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và Hội nhập kinh tế Quốc tế và các đề án phân tích chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm trọng yếu của tỉnh, tăng cường công tác quản lý đảm bảo ổn định thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Tham mưu UBND tỉnh trong việc đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng điện và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Căn cứ vào các điều kiện thực tế, rà soát, bổ sung, xây dựng các mục tiêu cụ thể về phát triển sản phẩm công nghiệp tại địa phương và đơn vị mình theo các kế hoạch hàng năm và 5 năm, đồng thời đề ra các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện;

- Hàng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án để tổng kết rút kinh nghiệm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Đầu tư và Du lịch tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như trên;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, NNMT, TCTM;
- Lưu VT, CN. (Tr.45)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Dễm Ênuôi

**Phụ lục DỰ BÁO LƯỢNG SẢN PHẨM THEO
NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số 1196/QĐ-UBND, ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Ngành công nghiệp	Sản phẩm công nghiệp	Đơn vị tính	Số lượng		
			TH năm 2010	Dự báo năm 2015	Dự báo năm 2020
Khai thác	Đá xây dựng	1.000 m ³	1.436	1.800	2.300
	Cát xây dựng (đen, vàng)	1.000 m ³	1.258	1.500	1.900
	Felspat	1.000 Tấn	21	40	60
	Cao lanh các loại	1.000 Tấn			60
Chế biến					
Thực phẩm, đồ uống	Cồn CN	1.000 lít		60.000	60.000
	Bia chai	1.000 lít	63.217	70.000	70.000
	Rượu, bia hơi, nước giải khát	1.000 lít	5.000	11.000	15.000
	Đá cây, đá tinh khiết	1.000 Tấn	116	150	180
	Gạo, ngô xay xát	1.000 Tấn	715	750	750
	Muối i-ốt, muối chế biến	Tấn	17.000	20.000	20.000
	Bánh kẹo các loại	Tấn	230	1.000	2.000
	Cà phê bột	Tấn	17.237	55.000	100.000
	Cà phê hoà tan	Tấn	1.500	10.000	25.000
	Thức ăn gia súc	Tấn	3.000	35.000	50.000
	Cà phê xuất khẩu	1.000 Tấn	330	350	350
	Hạt điều nhân xuất khẩu	Tấn	1.000	2.500	5.000
	Đường các loại	Tấn	14.560	38.000	38.000
	Tiêu	Tấn		5.000	10.000
	Tinh bột sắn	1.000 Tấn	63,5	80	80
	Bột ca cao	Tấn		1.000	2.000
	Tinh bột ngô	Tấn		20.000	50.000
	Dầu vỏ điều	Tấn			10.000
	Thịt súc sản	Tấn			20.000
	Sữa tươi	1.000 lít			20.000
	Dầu bông vải	Tấn			10.000
Dệt - may	Quần áo, sản phẩm dệt thổ cẩm	1.000 cái	9.497	10.000	15.000
	Quần áo cao cấp	1.000 cái			5.500
	Chỉ thun	Tấn		3.000	4.000
	Sợi	Tấn			1.000
Da và sản phẩm	Da thuộc	Tấn		350	800
	Dày, dép	1.000 đôi	650	3.500	3.000
	Da mộc	Tấn		500	
	Dày thể thao	1.000 đôi			1.200
Gỗ - giấy	Gỗ xẻ	1000 m ³	33	20	20
	Ván nhân tạo, gỗ dán các loại	m ³	5.000	36.000	60.000
	Gỗ tinh chế	m ³	9.837	16.000	20.000
	Bột giấy	Tấn		3.000	3.000
	Giấy in	Tấn			2.000
In, sao chụp	Trang in	10 ⁶ trang	7.399	10.000	12.000

Hóa chất, cao su, plastic	Cao su chế biến và sản phẩm cao su	Tấn	1.700	12.000	15.000
	Sản phẩm nhựa các loại	Tấn	4.000	7.000	10.000
	Than tổ ong	Tấn	6.000	7.500	8.000
	Bao bì	1.000 SP	13.000	16.000	20.000
	Phân vi sinh*	Tấn	18.500	30.000	50.000
	Thuốc bảo vệ thực vật	Tấn		600	1.000
	Phân NPK	Tấn			40.000
	Săm lốp	Chiếc			500.000
Sản phẩm khoáng phi kim loại	Gạch nung quy chuẩn	10 ⁶ viên	500	600	700
	Đá ốp lát granit các loại	1.000 m ²	25	130	200
	Sản phẩm bê tông	m ³	6.000	15.000	20.000
	Gạch lát	10 ³ Viên	300	350	450
	Vật liệu ốp lát khác	1.000 m ²		1.000	1.500
	Nghiền clinker	10 ³ Tấn			1.400
	Gạch không nung	10 ⁶ viên		20	40
Cơ khí, máy móc, xe có động cơ	Cửa sắt, cửa nhôm	1.000 m ²	350	450	500
	Bơm ly tâm	Chiếc	31.721	39.000	45.000
	Thiết bị chế biến nông sản	Cái	5.000	10.000	15.000
	Lưới thép	Tấn	60	80	100
	Tôn cán các loại mạ kẽm	Tấn	340	400	500
	Luyện cán thép*	Tấn	50.990	65.000	65.000
	Xe nông dụng đa chức năng	Chiếc		2.000	20.000
	Máy công tác nông nghiệp	Chiếc		10.000	15.000
Giường, tủ, bàn, ghế	Mộc dân dụng	Bộ	2.500	2.500	3.000
	Đồ gỗ xuất khẩu	m ³		3.500	8.000
Sản xuất, phân phối điện	Điện thương phẩm	10 ⁶ kWh	710	1.845	3.250
	Điện sản xuất	10 ⁶ kWh	2.355	3.979	4.000
Sản xuất, phân phối nước	Nước máy ghi thu	1.000 m ³	16.200	30.000	70.000